

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 37/2018/HS-PT
Ngày: 16 – 4 – 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hứa Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn U do có kháng cáo của bị cáo và bị hại Tổng Văn A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN VĂN U (Tên gọi khác: U V), sinh năm 1964 tại huyện CTA, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1915 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1924 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Lâm S – Văn phòng luật sư LS thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại có kháng cáo: ông Tổng Văn A – sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trương Thanh V – Văn phòng luật sư Nguyễn T thuộc đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo được Tòa án triệu tập:

1/ Bà Tống Ngọc D, sinh năm 1987 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 09/6/2017, trong lúc gia đình ông Tống Văn A đang dọn dẹp bên hông nhà thì bị cáo Nguyễn Văn U đi đám giỗ về, trong người đã có uống rượu đem theo 01 con dao yếm dài 44 cm, cán bằng gỗ dài 15,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén dài 28,5 cm ra làm cỏ bên hông nhà. Lúc này, gia đình ông A và ông U nảy sinh mâu thuẫn và cự cãi thách thức với nhau nên bị cáo Nguyễn Văn U cầm con dao nói trên chạy ra lộ nông thôn nơi ông A đang đứng chém trúng vào người ông A 02 nhát, 01 nhát từ chằm xuống vắt ngang vành tai đến má trái (vết thương gây đứt rời cạnh sau xương chũm) và 01 nhát trúng vào 1/3 dưới mặt trước ngoài cẳng tay phải. Sau khi chém ông A thì con dao cầm trên tay U bị rớt nên U bỏ về nhà, sau đó gia đình ông A đến Công an xã Trường Long Tây trình báo sự việc, còn ông A được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 129/TgT ngày 21/7/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Hậu Giang đã giám định và kết luận: Vết thương từ chằm xuống vắt ngang vành tai đến má trái (vết thương gây đứt rời cạnh sau xương chũm) kích thước: 20 cm x 0,5 cm đã lành, sẹo lõm co rút mặt trái nhẹ, bờ mép sắc gọn và vết thương 1/3 dưới mặt trước ngoài cẳng tay phải, kích thước: 0,9 cm x 0,5 cm đã lành, bờ mép sắc gọn. Tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại của ông Tống Văn A là 30% (Ba mươi phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Các vết thương trên do vật sắc bén gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn U (Tên gọi khác: U V) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Tống Văn A số tiền tổng cộng là 80.462.000^d (tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó bị cáo đã khắc phục trước cho gia đình bị hại số tiền 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) và gia đình bị cáo Nguyễn Văn U nộp số tiền bồi thường tiền khắc phục hậu quả với số tiền là 33.000.000^d (Ba mươi ba triệu đồng) theo số biên lai thu 0001684 ngày 28/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang sẽ được xử lý trong quá trình thi hành án, tổng cộng là 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo còn phải bồi thường số tiền khắc phục hậu quả cho bị hại Tống Văn A số tiền là 35.462.000^d (Ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn U bồi thường tiền công lao động do bị mất thu nhập trong thời gian nuôi bệnh của bà Nguyễn Thị A1 (vợ ông A) số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà A1 đối với bị cáo về khoản tiền ăn, tiền mua bình thủy, ấm đun nước, khăn vệ sinh, quần áo, tiền mượn đánh máy phô tô giấy tờ và tiền tổn thất tinh thần.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường bị cáo Nguyễn Văn U cho bà Tống Ngọc D tiền thuốc số tiền 286.000^d (Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D đối với bị cáo về khoản tiền công lao động, tiền xe đi lại nuôi bệnh, tiền ăn trong quá trình điều trị.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 của Bộ luật hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 44 cm, cán bằng gỗ dài 15,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén một bề dài 28,5 cm, lưỡi dao rộng nhất 6,5 cm, chiều rộng nhỏ nhất 2,5 cm, cán dao có đường kính 03 cm.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị cáo Nguyễn Văn U phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U phải chịu 2.136.400^d (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn U kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 12/01/2018, bị hại Tống Văn A kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, yêu cầu tăng chi phí đi lại từ 4.100. 000^d lên 8.200.000^d và chi phí tổn thất tinh thần từ 15 tháng lên 50 tháng lương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại yêu cầu giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm và vẫn kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường thêm chi phí đi lại, tổn thất tinh thần.

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đối với yêu cầu tăng tiền bồi thường thêm chi phí đi lại, tổn thất tinh thần thì bị cáo đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận tất cả yêu cầu của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo là vi phạm pháp luật, truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là đúng quy định, xét mức án bị cáo là không cao. Tuy nhiên, đối với hình phạt ngoài mục đích trừng trị răn đe bị cáo còn tạo điều kiện cho bị cáo sớm khắc phục, sửa chữa sai lầm. Hoàn cảnh bị cáo hiện đang nuôi hai cháu ngoại, vợ đang bị bệnh phải nhận trợ cấp hàng tháng, điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định. Đối với tiền bồi thường tinh thần bị cáo đồng ý thêm 25 tháng lương và chi phí đi lại là 4.100. 000^d (Bốn triệu một trăm nghìn đồng). Với những căn cứ đó, ý chí tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo tại phiên tòa, cùng với nhân thân bị cáo tốt, không tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, cần xem xét cho bị cáo mức án có điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bị hại kháng cáo với yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự và chi phí đi lại, tiền tổn thất tinh thần. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại rút một phần kháng cáo về tăng nặng trách nhiệm hình sự, chỉ yêu cầu bồi thường thêm 4.100. 000^d (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) chi phí đi lại và thêm 25 tháng lương tối thiểu, sự việc này được bị cáo đã chấp nhận toàn bộ, đối với mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn U, bị hại Tống Văn A có đơn kháng cáo, xét đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận vào khoảng 12 giờ ngày 09/6/2017, bị cáo Nguyễn Văn U và bị hại Tống Văn A có xảy ra mâu thuẫn, bị cáo đã dùng 01 con dao yếm dài 44 cm, cán bằng gỗ dài 15,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén dài 28,5 cm chém trúng vào người ông A 02 nhát, 01 nhát từ chằm xuống vắt ngang vành tai đến má trái (vết thương gây đứt rời cạnh sau xương chũm) và 01 nhát trúng vào 1/3 dưới mắt trước ngoài cẳng tay phải gây tổn hại đến sức khỏe của ông Tống Văn A. Thừa nhận của bị cáo phù hợp với chứng cứ đã được thể hiện trong hồ sơ, phù hợp với kết luận điều tra, truy tố và nội dung của bản án sơ thẩm; Do đó có cơ sở xác định bị cáo là người trực tiếp dùng hung khí gây ra thương tích cho người bị hại với kết quả giám định tỷ lệ chung là 30% (Ba mươi phần trăm). Hành vi của bị cáo chỉ là do mâu thuẫn tức thời sau khi có sự cựa cãi qua lại giữa bị cáo và bị hại. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được dùng hung khí gây thương tích cho người khác sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc tính mạng của bị hại nhưng bị cáo vẫn bất chấp mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng sức khỏe bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội và làm hoang mang dư luận tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhân thân tốt và là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo bị bệnh và khuyết tật nặng phải hưởng trợ cấp xã hội nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì mức hình phạt là từ 02 năm tù đến 07 năm tù và theo quy định khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì mức

hình phạt từ 02 năm tù đến 6 năm tù. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, với mức án này là tương xứng, không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt cho bị cáo của bị hại Tổng Văn A, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại có yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm và không yêu cầu tăng nặng đối với bị cáo. Xét đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bị hại.

[6] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng chi phí đi lại là 4.100. 000^d (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) và tiền tổn thất tinh thần là 25 tháng lương. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường, nên thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại.

[7] Đối với việc áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U (U V), chấp nhận kháng cáo của bị hại Tổng Văn A, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn U (U V) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U (U V) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Tổng Văn A và bị cáo Nguyễn Văn U (U V). Bị cáo Nguyễn Văn U (U V) tự nguyện bồi thường cho bị hại Tổng Văn A số tiền tổng cộng là 117.062.000^d (Một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó bị cáo đã khắc phục trước cho gia đình bị hại số tiền

12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) và gia đình bị cáo Nguyễn Văn U (U V) nộp số tiền bồi thường tiền khắc phục hậu quả với số tiền là 33.000.000^d (Ba mươi ba triệu đồng) theo số biên lai thu 0001684 ngày 28/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang sẽ được xử lý trong quá trình thi hành án, tổng cộng là 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo còn phải bồi thường số tiền khắc phục hậu quả cho bị hại Tống Văn A số tiền là 72.062.000^d (Bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn U (U V) bồi thường tiền công lao động do bị mất thu nhập trong thời gian nuôi bệnh của bà Nguyễn Thị A1 (vợ ông A) số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà A1 đối với bị cáo về khoản tiền ăn, tiền mua bình thủy, ấm đun nước, khăn vệ sinh, quần áo, tiền mượn đánh máy phô tô giấy tờ và tiền tổn thất tinh thần.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường bị cáo Nguyễn Văn U (U V) cho bà Tống Ngọc D tiền thuốc số tiền 286.000^d (Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D đối với bị cáo về khoản tiền công lao động, tiền xe đi lại nuôi bệnh, tiền ăn trong quá trình điều trị.

Kể từ ngày bị hại Tống Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A1, Tống Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo U có trách nhiệm bồi thường nếu bị cáo U chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả và lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U (U V) phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U (U V) phải chịu là 3.967.400^d (Ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U (U V) phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định về phân trách nhiệm dân sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1b);
- Công an xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Công an huyện CTA (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (3b);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1b);
- PV27 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b);
- PC81 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b)
- VKSND huyện CTA (1b);
- Chi cục THADS huyện CTA (1b);
- TAND huyện CTA (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu THS (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Hoàng Khải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Võ Hoàng Khải